

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 264/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)



Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình

Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy Mã số : 264/XNN/2019

Số lượng: 1.5 lít

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.

Ngày nhận mẫu: 21/6/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 01/7/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,98	SOP.HL 13/12	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,86	SOP.HL 02/12 ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ 2017 ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	0,55	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	1,12	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Qual

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 01 tháng 7 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC
PHÒNG KIỂM NGHIỆM



Lê Minh Tiến

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 248/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình

Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy Mã số: 248/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.

Ngày nhận mẫu: 14/6/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 21/6/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,3	SOP.HL 13/12	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,65	SOP.HL 02/12 ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ 2017 ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	KPH (LOD 0,5 mg/l)	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	0,96	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Quang

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 01 tháng 7 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC



Lê Minh Tiến

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 239/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số: 239/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đầy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 07/6/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 14/6/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,25	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	1,27	SOP.HL 02/12 ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ 2017 ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	KPH (LOD 0,5 mg/l)	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	1,12	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Qual

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 24 tháng 6 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Minh Tiến

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 222/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)



VILAS 685

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình

Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy Mã số: 222/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đầy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.

Ngày nhận mẫu: 31/5/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 14/6/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	6,88	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,75	SOP.HL 02/12 ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ 2017 ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	KPH (LOD 0,5 mg/l)	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	1,28	TCVN 6186:1996	2,0
7	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ /l	28	TCVN 6224:1996 ^(*)	300
8	Hàm lượng Clorua, mg/l	14,2	TCVN 6194:1996 ^(*)	250
9	Hàm lượng Sunfat, mg/l	11,0	SMEWW 4500-SO ₄ 2017 ^(*)	250
10	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
11	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Qual

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 24 tháng 6 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Minh Tiến

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 208/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình

Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy

Mã số : 208/XNN/2019

Số lượng: 1.5 lít

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đầy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.

Ngày nhận mẫu: 24/5/2019

Ngày hẹn trả kết quả: 07/6/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,25	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,96	SOP.HL 02/12 ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ 2017 ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	KPH (LOD 0,5 mg/l)	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	0,8	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Quang

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 07 tháng 6 năm 2019



Lê Minh Tiến



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 198/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình

Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy Mã số: 198/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.

Ngày nhận mẫu: 17/5/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 31/5/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,4	Máy đo pH	6,5–8,5
3	Độ đục, NTU	0,84	Máy đo độ đục ^(*)	2,0
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ 2007 ^(*)	3,0
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	0,72	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	1,44	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 31 tháng 5 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC



Lê Minh Tiến



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 182/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số: 182/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đầy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 06/5/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 15/5/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	6,88	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,45	Máy đo độ đục ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	0,75	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	0,64	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 14 tháng 5 năm 2019

K/T. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TỈNH
QUẢNG BÌNH

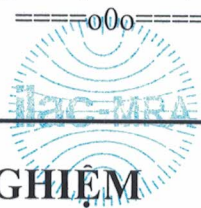
Lê Minh Tiến

SỞ Y TẾ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG
KHOA XÉT NGHIỆM

Địa chỉ: 164 Bà Triệu-Đồng Phú-Đồng Hới-Quảng Bình
Điện thoại: 0523.822557 Fax: 0523845492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 165/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình

Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy Mã số : 165/XNN/2019 Số lượng: 1,5 lít

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.

Ngày nhận mẫu: 26/4/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 14/5/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,32	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,58	Máy đo độ đục ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	1,17	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	0,8	TCVN 6186:1996	2,0
7	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ /l	15	TCVN 6224:1996 ^(*)	300
8	Hàm lượng Clorua, mg/l	9,94	TCVN 6194:1996 ^(*)	250
9	Hàm lượng Sunfat, mg/l	7,63	SMEWW 4500-SO ₄ ^(*)	250
10	Coliforms, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
11	E.coli, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Qual

Dương Viết Quang

Đồng Hới, ngày 14 tháng 5 năm 2019

K.T. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TỈNH QUẢNG BÌNH

SỞ Y TẾ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG
KHOA XÉT NGHIỆM

Địa chỉ: 164 Bà Triệu - Đồng Phú - Đồng Hới - Quảng Bình
Điện thoại: 0523.822557 Fax: 0523845492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

====o0o=====

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 160/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số : 160/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 19/4/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 26/4/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	6,88	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,67	Máy đo độ đục ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD:0,03mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	1,62	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	1,28	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Qual

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 02 tháng 5 năm 2019

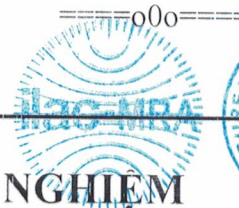
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG
TỈNH QUẢNG BÌNH
Lê Minh Tiến

SỞ Y TẾ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG
KHOA XÉT NGHIỆM

Địa chỉ: 164 Bà Triệu - Đồng Phú - Đồng Hới - Quảng Bình
Điện thoại: 0523.822557 Fax: 0523.845492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



VILAS 685

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 148/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình

Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy Mã số : 148/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.

Ngày nhận mẫu: 12/4/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 19/4/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,51	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,46	Máy đo độ đục ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD:0,03mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	0,92	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	0,8	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

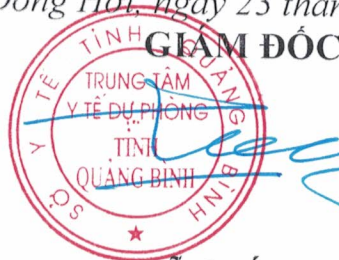
- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Dương Viết Quang

Đồng Hới, ngày 23 tháng 4 năm 2019



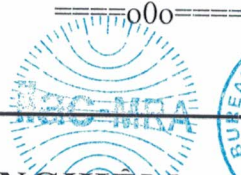
Đỗ Quốc Tiên

SỞ Y TẾ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM Y TẾ DUY PHONG
KHOA XÉT NGHIỆM

Địa chỉ: 164 Bà Triệu - Đồng Phú - Đồng Hới - Quảng Bình
Điện thoại: 0523.822557 Fax: 0523845492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 134/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số : 134/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 05/4/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 12/4/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	6,77	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,66	Máy đo độ đục ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD:0,03mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	1,26	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	1,28	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 12 tháng 4 năm 2019



Đỗ Quốc Tiệp

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 113/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số : 113/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 28/3/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 04/4/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,84	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	1,95	Máy đo độ đục	≤2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD:0,03mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	KPH (LOD:0,5mg/l)	TCVN 6180:1996	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	1,44	TCVN 6186:1996	2,0
7	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ /l	16	TCVN 6224:1996	300
8	Hàm lượng Clorua, mg/l	13,49	TCVN 6194:1996	250
9	Hàm lượng Sunfat, mg/l	4,7	SMEWW 4500-SO ₄	250
10	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
11	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Qual

Đồng Hới, ngày 04 tháng 4 năm 2019



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 107/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số: 107/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 22/3/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 29/3/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	6,77	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,83	Máy đo độ đục ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD:0,03mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	1,17	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	1,28	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Qual

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 29 tháng 3 năm 2019

GIÁM ĐỐC



Đỗ Quốc Tiếp

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 96/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số : 96/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đầy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 15/3/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 22/3/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,3	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,46	Máy đo độ đục ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD:0,03mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	KPH (LOD:0,5mg/l)	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	1,12	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

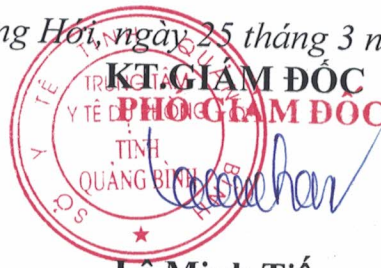
Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Qual

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 25 tháng 3 năm 2019



Lê Minh Tiến

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 79/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình

Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy Mã số : 79/XNN/2019

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.

Ngày nhận mẫu: 08/3/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 25/3/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,90	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,57	Máy đo độ đục ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD:0,03mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	0,70	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	0,8	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Quat

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 25 tháng 3 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

TỈNH
QUẢNG BÌNH

Lê Minh Tiến

SỞ Y TẾ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG
KHOA XÉT NGHIỆM

Địa chỉ: 164 Bà Triệu-Đồng Phú-Đồng Hới-Quảng Bình
Điện thoại: 0523.822557 Fax: 0523845492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



VILAS 685

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 64/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình

Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy Mã số : 64/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.

Ngày nhận mẫu: 28/02/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 08/3/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	6,82	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,42	Máy đo độ đục ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD:0,03mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	0,51	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	1,12	TCVN 6186:1996	2,0
7	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ /l	30	TCVN 6224:1996	300
8	Hàm lượng Clorua, mg/l	8,52	TCVN 6194:1996	250
9	Hàm lượng Sunfat, mg/l	4,82	SMEWW 4500-SO ₄	250
10	Coliforms, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
11	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Qual

Dương Việt Quang

Đồng Hới ngày 08 tháng 3 năm 2019

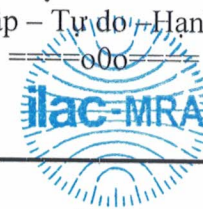


SỞ Y TẾ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG
KHOA XÉT NGHIỆM

Địa chỉ: 164 Bà Triệu - Đồng Phú - Đồng Hới - Quảng Bình
Điện thoại: 0523.822557 Fax: 0523845492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



VILAS 685

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

SỐ: 55/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: **Nước máy** Mã số: **55/XNN/2019** Số lượng: 1.5 lít
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 22/02/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 08/3/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	6,88	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	1,21	Máy đo độ đục ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD:0,03mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	0,76	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	0,8	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

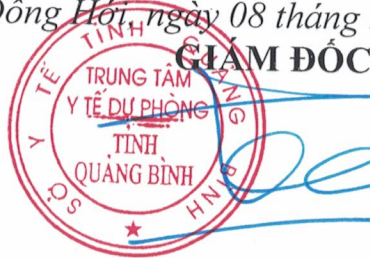
Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Qual

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 08 tháng 3 năm 2019



Đỗ Quốc Tiên

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 39/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số: 39/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 11/02/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 25/02/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,3	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,76	Máy đo độ đục ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD:0,03mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	0,75	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	0,96	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Qual

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 25 tháng 02 năm 2019



Lê Minh Tiến

SỞ Y TẾ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG
KHOA XÉT NGHIỆM

Địa chỉ: 164 Bà Triệu - Đồng Phú - Đồng Hới - Quảng Bình
Điện thoại: 0523.822557 Fax: 0523845492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

====o0o====

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 31/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình

Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy Mã số: 31/XNN/2019

Số lượng: 1.5 lít

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.

Ngày nhận mẫu: 24/01/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 15/02/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	8,0	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,79	Máy đo độ đục ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD:0,03mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	2,52	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	0,8	TCVN 6186:1996	2,0
7	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ /l	43	TCVN 6224:1996	300
8	Hàm lượng Clorua, mg/l	9,23	TCVN 6194:1996	250
9	Hàm lượng Sunfat, mg/l	5,85	SMEWW 4500-SO ₄	250
10	Coliforms, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
11	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 15/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình

Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy Mã số: 15/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.

Ngày nhận mẫu: 18/01/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 01/02/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,32	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,68	Máy đo độ đục ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD:0,03mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	1,40	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	0,8	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Quang

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 01 tháng 02 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TỈNH
QUẢNG BÌNH
Lê Minh Tiến

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 08/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình

Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy Mã số: 08/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.

Ngày nhận mẫu: 11/01/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 25/01/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	8,2	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	1,51	Máy đo độ đục ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD:0,03mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	1,47	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	0,32	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 25 tháng 01 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC



Lê Minh Tiến